

BÁO CÁO

Sơ kết hoạt động Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật viên, Y sĩ Quý 2 Năm 2025

Căn cứ vào kế hoạch số 265/KH-TTYT về Hoạt động và phát triển hệ thống Điều dưỡng Trung tâm Y tế thành phố Thuận An năm 2025 được phê duyệt ngày 21/02/2025.

Hội đồng Điều dưỡng báo cáo kết quả hoạt động theo các mục tiêu đề ra trong quý 2/2025 như sau:

1. Thông kê tình hình nhân lực chăm sóc đến 30/6/2025

Bảng 1- Tình hình nhân lực ĐD, HS, KTV, Y sĩ khối điều trị và khối hành chánh

TT	Khoa/ Phòng	Số lượng (người)	Ghi chú
1	Điều dưỡng	03	
2	Kế hoạch nghiệp vụ	03	
3	Tổ chức hành chính	02	
4	Cấp cứu	18	1 ĐD tuyển mới từ 8/4/2025 1 ĐD chuyển khoa khám bệnh từ 01/5/2025
5	Chẩn đoán hình ảnh	10	1 YS tăng cường tại khoa Cấp cứu (đến hết 30/06/2025)
6	Dinh dưỡng	02	
7	HSTC - CĐ	14	HSTC: 9; TNT: 6 1 ĐD nghỉ việc ngày 01/5/2025
8	Khám bệnh	10	1 nhân viên hỗ trợ phục vụ nghỉ việc từ 01/5/2025)
9	Kiểm soát nhiễm khuẩn	03	
10	Liên chuyên khoa	04	
11	Ngoại tổng hợp	14	1 ĐD nghỉ việc từ 01/4/2025
12	Nhi	11	
13	Nội tổng hợp	16	
14	Phụ sản	20	
15	Gây mê hồi sức	12	
16	Truyền nhiễm	09	
17	Xét nghiệm	16	1 KTV tuyển mới từ 01/4/2025
18	Y học cổ truyền	07	
Tổng		174	

Trong quý 2 năm 2025, tổng số nhân lực chăm sóc toàn Trung tâm là 174 người, giảm nhẹ 1 người so với quý 1. Biến động nhân sự chủ yếu diễn ra tại các khoa HSTC-CD và Khám bệnh do nhân viên nghỉ việc. Trung tâm đã có sự điều động và tăng cường nhân lực nội viện linh hoạt, đặc biệt tại khoa Cấp cứu. Ngoài ra, một số khoa chuyên môn như Xét nghiệm được bổ sung nhân sự phù hợp với nhu cầu công việc. Nhân sự khối hành chính và các phòng chức năng vẫn ổn định, không có biến động.

Về trình độ chuyên môn, phần lớn nhân lực có trình độ từ cao đẳng trở lên (chiếm 91,95%), trong đó cao đẳng chiếm 66,67%, đại học 22,41% và sau đại học 2,87%. Nhân sự trình độ trung cấp chiếm 8,05%, cho thấy nguồn nhân lực đang dần được chuẩn hóa. Tuy nhiên, tỷ lệ nhân viên có trình độ đại học và sau đại học còn thấp, cần tiếp tục được nâng cao trong thời gian tới nhằm đáp ứng yêu cầu chuyên môn ngày càng cao.

Về tình hình trực điều dưỡng, trong quý 2/2025, số lượng kíp trực, người/kíp trực và cơ cấu ca trực tại các khoa được duy trì ổn định so với quý 1. Việc bố trí kíp trực đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động của từng khoa, đáp ứng yêu cầu chăm sóc liên tục 24/24, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt nhân lực trong ca trực.

2. Các nội dung đã thực hiện

2.1. Công tác tập huấn ĐD, HS, KTV

Trong quý 2/2025, hoạt động đào tạo – tập huấn cấp bệnh viện được triển khai đều khắp các khoa, phần lớn các đơn vị đều đạt hoặc vượt tỷ lệ tham gia theo yêu cầu. Một số khoa như Phụ sản, Khám bệnh, Ngoại tổng hợp... có mức độ tham gia rất tích cực.

Tuy vẫn còn một vài khoa chưa tham dự đầy đủ tất cả các buổi tập huấn do trùng lịch công tác hoặc nhân sự bận trực, tuy nhiên nhìn chung, tinh thần tham gia học tập của nhân viên vẫn được duy trì tốt và đang từng bước được cải thiện theo hướng ngày càng đầy đủ và hiệu quả hơn. (Phụ lục 1)

2.2. Xây dựng và triển khai bộ mã hóa nhận định, vấn đề chăm sóc và các can thiệp theo biểu mẫu Thông tư 32/2023

Thực hiện lộ trình chuyển đổi số và chuẩn hóa hồ sơ chăm sóc trong bệnh án điện tử, Phòng Điều dưỡng đã xây dựng và hoàn thiện bước đầu bộ mã hóa nhận định, vấn đề chăm sóc và các can thiệp điều dưỡng theo đúng quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT. Cụ thể, đã soạn thảo 9 thang điểm đánh giá phục vụ cho công tác nhận định tình trạng người bệnh, đảm bảo bao quát các lĩnh vực cần thiết trong chăm sóc. Bên cạnh đó, đã xây dựng hơn 400 mã hóa nhận định chăm sóc toàn diện người bệnh theo Thông tư 31/2021/TT-BYT, làm cơ sở liên kết chặt chẽ giữa bước nhận định – chẩn đoán – can thiệp điều dưỡng.

Trong quá trình xây dựng, Phòng Điều dưỡng đã tổ chức 03 cuộc họp chuyên môn với sự tham gia của đại diện các khoa phòng để thảo luận, đóng góp ý kiến và thống nhất danh mục mã hóa, đảm bảo tính thực tiễn, phù hợp với đặc thù chuyên môn từng khoa.

Bộ mã hóa hiện đã được trình Hội đồng Khoa học kỹ thuật của Trung tâm và đang tiếp tục được hoàn thiện để cập nhật vào phần mềm HIS-VNPT, làm cơ sở sử dụng chính thức cho bệnh án điện tử, đảm bảo thống nhất trong toàn hệ thống và đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của ngành y tế.

2.3. Thực hiện kiểm tra định kỳ và các khoa và Kiểm tra theo lịch (Phụ lục 2)

Trong quý 2 năm 2025, công tác quản lý chuyên môn tại các khoa, phòng được đánh giá thông qua 5 tiêu chí: kiểm tra chuyên đề, đào tạo liên tục, báo cáo nhân sự, họp hội

đồng người bệnh, và tham gia họp HĐNB cấp bệnh viện. Kết quả tổng hợp cho thấy:

Một số khoa, phòng đã có sự chủ động và duy trì tốt các hoạt động quản lý chuyên môn, thể hiện qua tỷ lệ đạt cao ở hầu hết các tiêu chí. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, vẫn còn một số khoa chưa đảm bảo đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, đặc biệt là ở các tiêu chí liên quan đến họp HĐNB và báo cáo nhân sự. Các hạn chế này chủ yếu xuất phát từ đặc thù công việc, lịch trực, hoặc thiếu hụt nhân lực cục bộ tại thời điểm đánh giá.

Đây sẽ là cơ sở để các khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh và củng cố các mặt còn hạn chế, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý chuyên môn trong các quý tiếp theo.

2.4. Công tác kiểm tra chất lượng ghi chép hồ sơ bệnh án chăm sóc

Công tác kiểm tra chuyên đề ghi chép điều dưỡng trong hồ sơ bệnh án (kiểm tra 10% HSBA) cho thấy đa số các khoa đã thực hiện tốt, đảm bảo đầy đủ và đúng quy định trong công tác ghi chép, với tỷ lệ đạt từ 85% đến gần 99%.

Một số khoa có kết quả nổi bật như: PT-GMHS (98,7%), Hồi sức tích cực – chống độc (97,7%), Truyền nhiễm (95,4%), YHCT-PHCN (96%) và Phụ sản (95,2%). Các khoa/phòng này thể hiện sự chủ động trong việc nâng cao chất lượng ghi chép điều dưỡng, góp phần đảm bảo tính pháp lý và chuyên môn của hồ sơ bệnh án.

Tuy nhiên, vẫn còn một số khoa cần tiếp tục cải thiện như: Nội tổng hợp (76,8%) và Nhi (77,8%), chưa đạt yêu cầu theo quy định, chủ yếu do thiếu sót trong phần nhận định, đánh giá và ghi chép các can thiệp điều dưỡng. Những tồn tại này sẽ được tiếp tục hướng dẫn, nhắc nhở và theo dõi khắc phục trong các đợt kiểm tra tiếp theo.

2.5. Tổ chức giám sát chất lượng vệ sinh và kiểm soát nhiễm khuẩn

2.5.1. Công tác giám sát chất lượng vệ sinh

Trong quý 2, công tác vệ sinh do hộ lý đảm trách tại các khoa/phòng nhìn chung được thực hiện khá tốt; nhiều khoa duy trì mức chấm điểm cao, ổn định trên 95%. Một số khoa có sự cải thiện rõ nét so với đầu quý như Truyền nhiễm, KSNK, tuy nhiên vẫn còn vài khoa có điểm số dao động hoặc giảm nhẹ, cho thấy cần tiếp tục tăng cường giám sát và hỗ trợ để đảm bảo chất lượng vệ sinh ổn định, đồng đều hơn giữa các khoa/phòng.

Các hộ lý này được quản lý trực tiếp bởi ĐD, HS, KTV trưởng khoa và được đánh giá định kỳ hằng tháng. Việc chấm điểm được thực hiện với sự thống nhất, đồng thuận chung giữa hộ lý và khoa, dựa trên các tiêu chí cụ thể như: chất lượng vệ sinh chung, đảm bảo vệ sinh phục vụ người bệnh, hỗ trợ chăm sóc người bệnh và công việc chuyên môn, vệ sinh trang thiết bị – vật dụng – khu vực chuyên môn, bảo quản tài sản, thu gom rác và chất thải, tuân thủ quy trình vệ sinh – an toàn lao động, tác phong – tinh thần làm việc và các tiêu chí khác có liên quan.

2.5.2. Công tác kiểm soát nhiễm khuẩn

Về vệ sinh tay, nhiều khoa/phòng chưa đảm bảo đầy đủ phương tiện như khăn lau tay, dung dịch vệ sinh tay, bồn rửa tay; nhân viên còn mang găng sai quy định và chưa tuân thủ đủ 5 thời điểm vệ sinh tay.

Tỷ lệ khoa/phòng đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường bề mặt là 35,7%, dù đã có cải thiện so với quý 1, nhưng 64,3% vẫn chưa đạt yêu cầu. Đặc biệt, công tác vệ sinh tầm cao còn nhiều hạn chế, nguyên nhân chủ yếu do đơn vị chưa tuyển dụng được nhân sự đảm trách công việc này, dẫn đến việc vệ sinh chưa được thực hiện đầy đủ và thường xuyên.

Tỷ lệ đạt phân loại – thu gom chất thải đúng quy định là 35,7%; một số khoa thiếu thùng chứa đúng loại, khu vực tập trung không đầy đủ, còn xảy ra sai sót trong phân loại chất thải sắc nhọn.

Chỉ 7,1% khoa/phòng đạt tiêu chuẩn xử lý – quản lý dụng cụ, gòn gạc, đồ vải, nhiều khoa thiếu phương tiện, chưa có hướng dẫn pha hóa chất, hoặc sử dụng hóa chất không phù hợp.

Tỷ lệ tuân thủ trung bình các tiêu chuẩn kiểm soát nhiễm khuẩn đạt 76,2%, trong đó khoa cao nhất đạt 92,6%, khoa thấp nhất 66,2%, và có 71,4% khoa/phòng chưa đạt mức $\geq 80\%$.

2.6. Phối hợp tăng cường nội viện, ngoại viện

Trong quý 2 năm 2025, có tổng cộng 21 lượt nhân viên y tế (ĐD, HS, KTV) từ các khoa/phòng được tăng cường hỗ trợ công tác chuyên môn nội viện và tham gia các hoạt động ngoại viện.

Cụ thể, có 9 lượt tham gia công tác chuyên môn nội viện, 7 lượt hiến máu tình nguyện, 2 lượt hỗ trợ khám nghĩa vụ quân sự, 2 lượt phục vụ y tế ngoại viện và 1 lượt tham gia công tác cưỡng chế.

Việc điều động được triển khai kịp thời, đúng mục tiêu, có sự xác nhận của đơn vị được tăng cường, góp phần hỗ trợ hoạt động chuyên môn và tăng cường phối hợp hiệu quả giữa các khoa/phòng trong và ngoài Trung tâm.

2.7. Tổ chức họp mặt kỷ niệm ngày Quốc tế Điều dưỡng và ngày Quốc tế Hộ sinh

Tổ chức buổi họp mặt nhằm kỷ niệm ngày Quốc tế Điều dưỡng (12/5) và ngày Quốc tế Hộ sinh (5/5), với sự tham dự của hơn 100 điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên cùng Ban Giám đốc và lãnh đạo các khoa/phòng. Chương trình là dịp ôn lại truyền thống nghề, tôn vinh vai trò của đội ngũ điều dưỡng, hộ sinh trong chăm sóc sức khỏe người dân. Ngoài phần lễ trang trọng, buổi họp còn có các hoạt động giao lưu như “Siêu trí nhớ điều dưỡng”, “Đoán bệnh qua biểu cảm” tạo không khí vui tươi, đoàn kết. Dịp này, 16 hội viên tiêu biểu được tuyên dương vì những đóng góp tích cực trong chuyên môn và phong trào hội.

3. Công tác tổ chức họp hội đồng người bệnh cấp người bệnh và cấp khoa

Trong quý 2 năm 2025, Trung tâm Y tế TP. Thuận An đã tổ chức 69 buổi họp Hội đồng người bệnh cấp khoa với 907 lượt người tham dự, đồng thời tổ chức 03 buổi họp cấp bệnh viện với 120 lượt tham dự. Các buổi họp được thực hiện kết hợp truyền thông giáo dục sức khỏe, triển khai hiệu quả tại 6 khoa nội trú.

Tổng số buổi truyền thông – GDSK cấp khoa là 69 buổi, đạt 1.509 lượt người tham dự, cho thấy hoạt động được duy trì ổn định, gắn kết với nhu cầu điều trị tại khoa.

Người bệnh và thân nhân bày tỏ sự hài lòng về thái độ phục vụ, chuyên môn nhân viên y tế và hiệu quả các buổi họp, đồng thời đóng góp nhiều ý kiến thiết thực về cơ sở vật chất, quy trình khám chữa bệnh, và thủ tục thanh toán.

Các ý kiến góp phần giúp đơn vị có hướng cải tiến toàn diện, đặc biệt về cung ứng vật tư – thuốc BHYT, điều phối thời gian khám bệnh, nâng cấp trang thiết bị và mở rộng các kênh thanh toán.

Ngoài ra, quý 2 cũng ghi nhận sự đồng hành tích cực từ các mạnh thường quân với nhiều phần quà hỗ trợ người bệnh, góp phần nâng cao tinh thần và sự gắn kết giữa bệnh viện với cộng đồng.

4. Thuận lợi, khó khăn

4.1. Thuận lợi

Ban Giám đốc Trung tâm có sự chỉ đạo sâu sát, kịp thời trong công tác quản lý, đặc biệt chú trọng nâng cao cả số lượng và chất lượng đội ngũ ĐD, HS, KTV.

Đội ngũ nhân lực trẻ, năng động, được đào tạo bài bản, tham gia tích cực các lớp tập huấn, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng chăm sóc.

Hệ thống quản lý điều dưỡng được vận hành thống nhất, đồng bộ; các tiêu chí kiểm tra, giám sát chất lượng được áp dụng hiệu quả tại các khoa.

Phần mềm quản lý chăm sóc và bảng kiểm đánh giá được cập nhật thường xuyên, giúp giám sát, cải tiến chất lượng hoạt động điều dưỡng một cách kịp thời.

Nhân sự chăm sóc ổn định, trình độ chuyên môn ngày càng được chuẩn hóa, tỷ lệ từ cao đẳng trở lên chiếm hơn 91%.

Công tác tập huấn, kiểm tra chuyên môn, ghi chép hồ sơ bệnh án, truyền thông – GDSK, hợp HĐNB... được triển khai đều khắp và mang lại hiệu quả thiết thực.

Các hoạt động phối hợp nội viện, ngoại viện và hỗ trợ cộng đồng được duy trì tốt, thể hiện tinh thần chủ động, gắn kết và trách nhiệm.

4.2. Khó khăn

Một số khoa có biến động nhân sự (nghỉ việc, luân chuyển) gây thiếu hụt cục bộ, ảnh hưởng đến phân công công việc và bố trí trực.

Tỷ lệ nhân viên có trình độ đại học và sau đại học còn thấp, cần tiếp tục nâng chuẩn để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao.

Một số khoa/phòng chưa đảm bảo đầy đủ các tiêu chí kiểm tra chuyên môn, ghi chép hồ sơ điều dưỡng còn thiếu sót.

Công tác kiểm soát nhiễm khuẩn còn hạn chế ở một số tiêu chí: vệ sinh tay, xử lý đồ vải, phân loại rác – cần tiếp tục chấn chỉnh, cải tiến đồng bộ.

Một số thuốc và vật tư y tế vẫn còn phải mua ngoài, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ và sự hài lòng người bệnh.

5. Kiến nghị

- Về nhân lực:

Tiếp tục rà soát, bổ sung nhân lực ĐD, HS, KTV tại các khoa có khối lượng công việc cao hoặc biến động nhân sự, đảm bảo đủ người trực và chăm sóc liên tục.

Có chính sách đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ chăm sóc, đặc biệt khuyến khích học liên thông đại học và sau đại học để chuẩn hóa nguồn nhân lực.

- Về công tác đào tạo – kiểm tra – giám sát:

Duy trì định kỳ công tác tập huấn, tăng cường các buổi đào tạo thực hành sát chuyên môn tại từng khoa.

Tổ chức thêm các lớp bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp người bệnh, xử lý tình huống, đặc biệt cho nhân viên mới.

Tăng cường kiểm tra đột xuất và tái kiểm tra tại các khoa có điểm kiểm tra thấp, nhằm cải thiện chất lượng ghi chép và tuân thủ quy trình.

- Về kiểm soát nhiễm khuẩn và vệ sinh môi trường:

Đầu tư bổ sung trang thiết bị, phương tiện phục vụ vệ sinh tay, thu gom – phân loại chất thải đúng quy định.

Cập nhật hướng dẫn và tập huấn lại quy trình kiểm soát nhiễm khuẩn, vệ sinh môi trường tại tất cả các khoa.

Đề xuất ban hành checklist giám sát đơn giản, dễ thực hiện để hộ lý và trưởng khoa kiểm tra hàng ngày.

- Về cải tiến chất lượng:

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều dưỡng – chăm sóc, đẩy nhanh tích hợp bộ mã hóa chăm sóc vào bệnh án điện tử.

Định kỳ tổng hợp, phân tích ý kiến người bệnh từ hợp HĐNB và phản ánh để làm cơ sở đề xuất các giải pháp cải tiến cụ thể theo từng quý.

Phối hợp P.TCHC và Khoa Dược để rà soát – cải thiện quy trình thanh toán, cung ứng vật tư, hướng dẫn sử dụng thuốc cho người bệnh.

6. Đề xuất những phương án cho phân nhân sự và đánh giá chất lượng chăm sóc

6.1. Đề xuất phương án về nhân sự

Rà soát định kỳ cơ cấu nhân lực ĐD, HS, KTV theo từng khoa/phòng, nhằm đảm bảo đủ số lượng, phù hợp với khối lượng công việc thực tế và đặc thù chuyên môn của từng khoa.

Xây dựng kế hoạch luân chuyển, điều động nội viện linh hoạt theo quý, để xử lý kịp thời tình trạng thiếu hụt cục bộ; đồng thời giúp nhân viên rèn luyện và phát triển kỹ năng toàn diện.

Tiếp tục tuyển dụng nhân lực mới cho các khoa trọng điểm (Cấp cứu, HSTC, Khám bệnh...) theo đúng chỉ tiêu biên chế được giao, ưu tiên nhân sự có trình độ từ cao đẳng trở lên.

Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ, khuyến khích nhân viên học liên thông đại học, sau đại học và tham gia các lớp chuyên đề ngắn hạn, nhằm từng bước chuẩn hóa trình độ theo hướng chuyên sâu.

Sử dụng Google Form để thu thập và quản lý thông tin cá nhân, bằng cấp, chứng chỉ và năng lực chuyên môn của điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật viên. Việc này giúp dễ dàng theo dõi, cập nhật dữ liệu nhân viên, phục vụ cho công tác điều động, đánh giá và bố trí phù hợp với tình hình thực tế. Đồng thời làm cơ sở để xây dựng đội ngũ ổn định và phát triển lâu dài.

Đề xuất bố trí nhân sự Khoa Dược thực hiện việc cấp phát thuốc trực tiếp tại khoa lâm sàng, nhằm đảm bảo quy trình cung ứng thuốc diễn ra thuận lợi, chính xác và phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị.

6.2. Đánh giá chất lượng chăm sóc

Duy trì đánh giá chất lượng chăm sóc định kỳ hàng quý, tập trung vào các nội dung trọng tâm: tuân thủ quy trình kỹ thuật, ghi chép hồ sơ bệnh án, thái độ phục vụ, vệ sinh – kiểm soát nhiễm khuẩn...

Cập nhật và chuẩn hóa các bảng kiểm đánh giá chăm sóc, đảm bảo tính thực tiễn, dễ sử dụng và sát với hoạt động thực tế tại các khoa.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát và tổng hợp kết quả đánh giá (tích hợp vào phần mềm quản lý HIS).

Phân tích nguyên nhân điểm thấp và có kế hoạch cải tiến cụ thể theo khoa, có thể dưới hình thức cam kết chất lượng từ trưởng khoa và cập nhật tiến độ hàng tháng.

Tổ chức họp chuyên đề đánh giá chất lượng chăm sóc theo nhóm khoa (nội – ngoại – sản – nhi...), nhằm chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hiệu quả và tạo cơ hội học hỏi lẫn nhau giữa các đơn vị.

7. Phương hướng hoạt động quý 3 năm 2025

7.1. Tập trung triển khai bệnh án điện tử

Hoàn thiện và chuẩn hóa bộ mã hóa nhận định – chẩn đoán – can thiệp điều dưỡng theo Thông tư 32/2023 và 31/2021.

Triển khai thử nghiệm ghi chép chăm sóc trên phần mềm HIS tại một số khoa nội trú; ưu tiên các khoa có tính ổn định.

Tổ chức tập huấn thao tác sử dụng phần mềm, đảm bảo việc ghi nhận đúng, logic và dễ kiểm tra.

Phối hợp chặt chẽ với phòng CNTT và đơn vị phần mềm để xử lý các vướng mắc phát sinh.

7.2. Tăng cường quản lý chất lượng chăm sóc

Duy trì kiểm tra HSBA điều dưỡng (tối thiểu 10%), tập trung vào các lỗi thường gặp.

Tăng cường giám sát công tác vệ sinh – kiểm soát nhiễm khuẩn; ưu tiên cải thiện các tiêu chí còn yếu như phân loại rác, vệ sinh tâm cao, xử lý dụng cụ.

7.3. Củng cố và điều tiết nguồn nhân lực

Theo dõi sát biến động nhân sự, chủ động điều động nội viện linh hoạt khi cần thiết.

Tổ chức họp giao ban điều dưỡng trưởng định kỳ, chia sẻ tình hình và điều phối nhân lực giữa các khoa.

7.4. Đẩy mạnh đào tạo và nâng cao năng lực

Tiếp tục triển khai các buổi tập huấn chuyên môn theo kế hoạch, trọng tâm là chuyển đổi số, kiểm soát nhiễm khuẩn và kỹ năng chăm sóc.

Khuyến khích các khoa chủ động tổ chức đào tạo nội viện, tích hợp nội dung thực tiễn, thiết thực.

7.5. Duy trì hiệu quả hợp Hội đồng người bệnh

Tổ chức đều đặn họp Hội đồng người bệnh cấp khoa và cấp bệnh viện, kết hợp với truyền thông – giáo dục sức khỏe.

Tổng hợp, phân loại và phản hồi kịp thời các ý kiến góp ý, lấy đó làm cơ sở cải tiến chất lượng dịch vụ. *Thư*

Nơi nhận:

- HĐDD;
- Các khoa phòng;
- Lưu: VT, P.ĐD (M).



Lương Thiện Tích



Phụ lục 1

Thống kê số ĐD, HS, KTV, YS tham gia tập huấn đào tạo liên tục cấp bệnh viện quý 2 năm 2025

TT	Khoa	Tổng số nhân sự khoa (không tính hậu sản, đào tạo dài hạn)	Tổng số nhân viên tham dự học chuyên môn quý 2 (người)							Tỷ lệ nhân sự tham gia đào tạo liên tục cấp bệnh viện (%)
			AIDET	Sử dụng thuốc	TT-GDSK	Rửa bàn quang. Ngộ độc thuốc	An toàn truyền máu	Bông mắt	CSBN sau nhổ răng	
1	Cấp cứu	18	8	8	4	3	5	2	9	78,6
2	PT-GMHS	11	5	9	9	3	4	3	4	100
3	HSTC-CD	12	9	3	6	8	1	4	7	92,9
4	Khám bệnh	9	11	5	5	3	4	6	3	100
5	Ngoại tổng hợp	14	11	7	5	4	4	4	5	100
6	Nhi	10	9	6	8	7	5	6	3	100
7	Truyền nhiễm	9	8	5	6	5	5	4	3	100
8	Nội tổng hợp	14	8	2	2	0	1	11	4	57,1
9	Phụ sản	20	17	11	7	8	7	8	8	100
10	KSNK	3	2	3	1	1	1	1	1	100
11	LCK	3	3	2	1	3	2	2	2	100

TT	Khoa	Tổng số nhân sự khoa (không tính hậu sản, đào tạo dài hạn)	Tổng số nhân viên tham dự học chuyên môn quý 2 (người)							Tỷ lệ nhân sự tham gia đào tạo liên tục cấp bệnh viện (%)
			AIDET	Sử dụng thuốc	TT-GDSK	Rửa bàn quang- Ngộ độc thuốc	Án toàn truyền máu	Bông mắt	CSBN sau nhổ răng	
12	YHCT-PHCN	7	5	3	3	6	3	2	1	92,9
13	Dinh dưỡng	2	1	1	1	1	1	1	1	100
14	Xét nghiệm	13	6	4	2	5	5	3	6	85,7
15	CDHA	9	3	2	1	3	2	1	2	64,3



Phụ lục 2

Đánh giá kiểm tra chuyên đề quý 2 năm 2025

KẾT QUẢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ QUÝ 2 NĂM 2025 (%)							KẾT QUẢ
TT	KHOA	1. Kiểm tra chuyên đề	2. Đào tạo liên tục	3. Báo cáo nhân sự	4. Hợp HĐNB Bv, Khoa	5. Tham gia họp HĐNB BV	
1	HSTC-CĐ	90	92,9	95,2	100	100	Đạt
2	PT-GMHHS	95	100	61,9	*	100	Đạt
3	Nhi	55	100	90,5	66,6	100	Đạt
4	Truyền nhiễm	85	100	90,5	33,3	100	Đạt
5	Ngoại tổng hợp	80	100	57,1	33,3	100	Chưa tốt
6	Phụ sản	30	100	66,7	33,3	100	Chưa tốt
7	Nội tổng hợp	90	50,0	100	0	66,6	Chưa tốt
8	Cấp cứu	70	78,6	85,7	*	0,0	Không đạt
9	YHCT-PHCN	75	92,9	100	*	100	Đạt
10	Khám bệnh	85	100	71,4	*	100	Đạt
11	LCK	85	100	66,7	*	0,0	Chưa tốt
12	Xét nghiệm	93,8	85,7	85,7	*	100	Đạt
13	CDHA	56,3	64,3	76,2	*	66,6	Chưa tốt
14	Dinh dưỡng	70	100	100	*	0,0	Chưa tốt
15	KSNK	90	100	85,7	*	100	Đạt



Phụ lục 3

Danh mục thuốc, vật tư y tế cho bệnh nhân mua ngoài tính đến hết 10/7/2025

1. Danh mục thuốc mua ngoài

TT	Biệt dược - hàm lượng	Hoạt chất - hàm lượng	Đơn vị tính	Đường dùng
PT- GMHS				
1	Lidocain	Lidocain Hydrochlorid 40 mg /2ml	Ống	Tiêm
2	Nước cất	Dung môi pha tiêm 5ml	Ống	Tiêm
HSTC- OĐ				
1	Albumin 20% 50ml	Albumin 20% 50 ml	Chai	TTM
2	Albumin 25% 50ml	Albumin 25% 50ml	Chai	TTM
3	Combilipid	Nhũ tương chất béo, dung dịch acid amin và chất điện giải, glucose	Túi	TTM
4	Natri chlorid 0,45% 500ml	Natri chlorid 0,45% 500ml	Chai	TTM
5	Ciprofloxacin 200mg/100ml	Ciprofloxacin 200mg/100ml	Chai	TTM
6	Amlodipin 5mg	Amlodipin 5mg	Viên	Uống
7	Vitamin C 500mg/5ml	Vitamin C 500mg/5ml	Ống	TMC
8	Combivent 0.5mg/2.5mg	Ipratropium bromide/salbutamol 0.5mg/2.5mg	Ống	Phun khí dung
9	Cerebrolysin 10ml	Cerebrolysin 10ml	Ống	TMC
10	Natri chlorid 0,9% 1000ml	Natri chlorid 0,9% 1000ml	Chai	Dùng ngoài (rửa vết thương)
11	Lidocain Kabi 2%	Lidocain 2%Lidocain hydrochlorid 40mg/2ml 2ml	Ống	TDD
12	Hyoscin butylbromide	Hyoscin butylbromide	Ống	TB

TT	Biệt dược - hàm lượng	Hoạt chất - hàm lượng	Đơn vị tính	Đường dùng
13	Kali clorid 10%/10ml	Kali clorid 10%/10ml	Ống	TMC, TTM (pha truyền)
14	Magnesi 15%/10ml	Magnesi 15%/10ml	Ống	TMC, TTM (pha truyền)
15	Sắt và acid folic	Sắt và acid folic	Viên	Uống
16	Atorvastatin 10mg	Atorvastatin 10mg	Viên	Uống
NGOẠI				
1	No-spa 40mg	Drotaverin hydrochlorid	Ống	IM
2	Ciprofloxacin 400 mg	Ciprofloxacin	Chai	IV
3	Metronidazole 500mg	Metronidazol	Viên	UỐNG
4	Nước cất	Nước cất	ống	
5	Lidocain 2%	Lidocain Hydroclorid	Ống	TÊ TẠI CHỖ
NHỊ				
1	Zanomax 100 mg	Azithromycin 100 mg	gói	uống
2	Zanomax 200 mg	Azithromycin 200 mg	gói	uống
3	Sp ho danospan	Cao lá trường xuân 100 ml / chai	chai	uống
4	Ceftriaxone 01 g	Ceftriaxone 01 g	lọ	Truyền TM
5	Nước cất	Nước cất	ống	pha thuốc tiêm TM
6	Nausazy 4 mg/5 ml	Ondansetron 4 mg/5 ml	ống	uống
7	Hidrasc 10 mg	Rasecadotril	gói	uống
8	Cefixime 50 mg	Rasecadotril	gói	uống

TT	Biệt dược - hàm lượng	Hoạt chất - hàm lượng	Đơn vị tính	Đường dùng
9	Cefixime 75 mg	Cefixime 50 mg	gói	uống
10	Cefixime 100 mg	Cefixime 75 mg	gói	uống
11	Domuvar	Bào tử bacillus 02 tỉ	ống	uống
12	Sp simeticol 60ml	Sp simeticol 60ml	chai	uống
13	Effergal 300mg	Paracetamol 300 mg	viên	nhét hậu môn
14	Sp clazic 125 mg/ 2 ml	Clarithromycin 125 mg/ 2 ml	chai	uống
15	Vitamin pp 50 mg	vitamin pp 50 mg	viên	uống
16	Topkid gold	Đa vitamin, kẽm, lysine	ống	uống
17	Ciproloxacin 100 mg / 100ml	Ciproloxacin 100 mg / 100ml	chai	Truyền TM
18	Nước muối 0,9 % 10ml	Nacl 0,9 % 10 ml	lọ	pha xông khí dung
NHIỆM				
1	Albumin 20%	Albumin 20%	Chai	TTM
2	Ciprofloxacin 200mg/100ml	Ciprofloxacin 200mg/100ml	Chai	TTM
3	Amlodipin 5mg	Amlodipin 5mg	Viên	Uống
4	Lidocain 2% 2ml	Lidocain 2% 2ml	Ống	TB
5	Atovastatin 10mg	Atovastatin 10mg	Viên	Uống
6	Duphaton 10mg	Duphaton 10mg	Viên	Uống
7	Vitamin C 500 mg	Vitamin C 500 mg	Viên	Uống

TT	Biệt dược - hàm lượng	Hoạt chất - hàm lượng	Đơn vị tính	Đường dùng
8	Nospa 40mg	Nospa 40mg	Viên	Ống
9	Buscopan 20mg/ml	Buscopan 20mg/ml	Ống	TB
10	Captopril 25mg	Captopril 25mg	Viên	Uống
11	Fortec 25mg	Fortec 25mg	Viên	Uống
12	Mictasol bleu 20mg	Mictasol bleu 20mg	Viên	Uống
13	Fluconazol 150mg	Fluconazol 150mg	Viên	Uống
14	Acyclovir 800mg	Acyclovir 800mg	Viên	Uống
15	Cotrim fort 960mg	Cotrim fort 960mg	Viên	Uống
NỘI				
1	Albumin 20%	Albumin 20%/50ml	chai	TTM
2	Nước cất		ống	Pha truyền/ TMC
3	Combivent	Salbutamol/ ipratropium2,5mg/0,5mg	ống	pkd
4	Kavasdin	Amlodipin 5mg	viên	uống
5	Ciprofoxacin200mg/ 100ml	Ciprofoxacin200mg/ 100ml	chai	TTM
6	Rotundin 60mg		viên	uống
7	Sulpiride 50mg	Sulpirid 50mg	viên	uống
8	Cerebrolysin 10ml	Cerebrolysin 10ml	ống	Pha truyền
9	Lidocain Kabi 2%	Lidocain hydroclorid 40mg	ống	TB

TT	Biệt dược - hàm lượng	Hoạt chất - hàm lượng	Đơn vị tính	Đường dùng
10	Hydrocortisol 100mg	Hydrocortisol 100mg	lọ	TMC
11	Kali clorid 10%/ 10ml	Potassium chloride 10%	ống	Pha truyền
12	Nos-pa 40mg	Drotaverine hydrochloride 40mg/ 2ml	ống	TB
13	Magnesi 15%/ 10ml	Magnesi Sulfat 1.5g	ống	Pha truyền
14	Levofloxacin 0,75g	Levofloxacin 0,75g	chai/ túi	TTM
15	Bromhexin 8mg	Bromhexin HCL 8mg	viên	uống
16	Ceftriaxone	Ceftriaxone 1g/ 2g	lọ	TTM/ TMC
17	Bismuth	Bismuth subsalicylate 262mg	viên	uống
18	Fluconazol 150mg	Fluconazol 150mg	viên	uống
19	Diltiazem 60mg	Diltiazem 60mg	viên	uống
20	Betahistin	Betahistin 8mg/ 16mg/ 24mg	viên	uống
21	Foxiga	Dapagliflozin 10mg	viên	uống
22	Bambuterol	Bambuterol 10mg	viên	uống
YHCT				
1	Milgamma 2ml	Vitamin B1, B2, B12	Ống	Thủy Châm
2	Nucleo C.M.P Forte 2ml	Cytidin monophosphat disodium + uridin monophosphat disodium	Ống	Thủy châm
3	Cerebrolysin 5ml	Peptid Cerebrolysin concentrate	Ống	Tiêm tĩnh mạch, Tiêm bắp, Thủy châm
LCK				
0	KHÔNG CÓ			

TT	Biệt dược - hàm lượng	Hoạt chất - hàm lượng	Đơn vị tính	Đường dùng
CẤP CỨU				
1	Lidocain Kabi 2% 400mg/20ml	lidocaine hydrochloride, có nồng độ 2% (tương đương 20mg/ml)	ống	truyền tĩnh mạch
2	Natri clorid 0,45% 500ml	Sodium Chloride	chai	truyền tĩnh mạch
3	Naloxone hameln 0.4mg/ml	Naloxone Hydrochloride hàm lượng 0,4mg.	ống	tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch
4	No-Spa 40mg/ 2ml	Drotaverine hydrochloride	ống	tiêm bắp
5	Buscopan 20mg/ 2ml	Hyoscin butylbromid	ống	tiêm bắp
6	Ciprofloxacin Kabi	Ciprofloxacin	chai	truyền tĩnh mạch
7	Kali Clorid 10%/ 10ml	Kali clorid	ống	truyền tĩnh mạch
8	Magnesi Sulfat Kabi 15%	Magnesi sulfat	ống	truyền tĩnh mạch
9	Natri bicarbonat 1,4% 250ml	Natri bicarbonat	chai	truyền tĩnh mạch
SẢN				
1	Sắt Folic	Sắt Folic	viên	uống
2	Natri bicarbonat 5g	Natri bicarbonat 5g	gói	dùng ngoài
3	Magnesi sulfat kabi 15% 10ml	Magnesi sulfat kabi 15% 10ml	ống	uống, đặt
4	Utrogestan 200mg	Utrogestan 200mg	viên	tiêm bắp
5	Gentamycin 80mg	Gentamycin 80mg	ống	tiêm
6	Lidocain 2% 2ml	Lidocain 2% 2ml	ống	tiêm
7	Doxycilin	Doxycilin	Viên	uống

TT	Biệt dược - hàm lượng	Hoạt chất - hàm lượng	Đơn vị tính	Đường dùng
8	Duphaton 10 mg	Duphaton 10 mg	Viên	uống
9	Fluconazol 150 mg	Fluconazol 150 mg	Viên	uống
10	Neotergynan 100 mg.	Neotergynan 100 mg.	Viên	uống
11	Lactacid	Lactacid	Chai	dùng ngoài
12	Nước cất	nước cất	ống	tiêm
13	Natri 0,9 %	Natriclorid 0,9 %	chai	nhỏ mắt

2. Danh mục vật tư y tế mua ngoài

TT	Tên vật tư tiêu hao	Đơn vị tính
CẤP CỨU		
1	Dây hút đờm các số	sợi
2	Dây oxy người lớn	sợi
3	Dây oxy trẻ sơ sinh	sợi
4	Dây truyền dịch braun (theo máy)	sợi
5	Mask oxy có túi trẻ em	cái
PT-CMHHS		
1	Lưới thoát vị	Miếng
2	Dây oxy 2 nhánh	Sợi
3	Dây hút nhớt	Sợi

TT	Tên vật tư tiêu hao	Đơn vị tính
4	Sonde tiểu lưu	Sợi
5	Dẫn lưu bụng	Sợi
6	Clip mạch máu	Vĩ
HSTC-CP		
1	Dây hút đàm nhớt các số	Sợi
2	Dây oxy người lớn	Sợi
3	Dây hút dịch phẫu thuật	Sợi
4	Sonde foley các số	Sợi
5	Sonde nelaton các số	Sợi
NGOẠI		
0	Không có	
NHI		
0	Không có	
NHIỆM		
1	Dây Oxy lớn	Cái
2	Nước cất	ống
3	Sonde Foley	Cái
NỘI		
1	Sonde dạ dày	cái

TT	Tên vật tư tiêu hao	Đơn vị tính
2	Sonde tiểu	cái
3	Dây oxy 2 nhánh	cái
4	Dây hút đàm	cái
PHỤ SẢN		
1	Dây oxy người lớn	dây
2	Dây oxy sơ sinh	dây
3	Dây hút nhót số 10	dây
4	Foley sonde tiểu 14F	dây
LCK		
0	Không có	
YHCT		
0	Không có	



Phụ lục 4

Danh mục hóa chất- vật tư mua ngoài phục vụ công tác vệ sinh (tính đến 10/7/2025)

TT	Hóa chất - vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Giá tiền (Nghìn đồng)	Hóa đơn
KHÁM BỆNH					
1	Vim tẩy bồn cầu	Chai (880ml)	2	60.000	Không
2	Nước tẩy Javen	Chai (100ml)	2	16.000	Không
3	Nước lau sàn	Chai (500ml)	3	90.000	Không
4	Cước nhôm	Cái	4	40.000	Không
DINH DƯỠNG					
1	Vim tẩy bồn cầu	Chai (880ml)	1	30.000	Không
2	Nước lau sàn	Chai (500ml)	2	60.000	Không
NGOẠI TỔNG HỢP					
1	Vim tẩy bồn cầu	Chai (880ml)	10	36.000	Không
2	Nước tẩy Javen	Chai (200ml)	2	32.000	Không
3	Nước lau sàn	Can (500ml)	3	70.000	Không
4	Cước nhôm	Cái	7	2.000	Không
XÉT NGHIỆM					
1	Túi rác xanh	Kg	4	112.000	Không
LIÊN CHUYÊN KHOA					
1	Vim tẩy bồn cầu	Chai (880ml)	2	60.000	Không
2	Nước tẩy Javen	Chai (100ml)	2	16.000	Không
3	Nước lau sàn	Chai (500ml)	3	90.000	Không

TT	Hóa chất - vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Giá tiền (Ngàn đồng)	Hóa đơn
NHI					
1	Túi rác xanh	Kg	2	70.000	Không
2	Tẩy bồn cầu	Chai	5	150.000	Không
3	Lau sàn	Chai	5	150.000	Không
4	Cước nhôm	Cái	10	50.000	Không
5	Nước tẩy Javen	Chai	5	100.000	Không
6	Xà bông giặt đồ	Túi	1	185.000	Không
7	Chà nhà vệ sinh	Cây	10	250.000	Không
TRUYỀN NHIỆM					
1	Vim tẩy vệ sinh	Chai	4	180.000	Không
2	Chà nhà vệ sinh	Cây	2	60.000	Không
3	Nước lau sàn	Lít	5	150.000	Không
PT-GMIHS					
1	Nước lau sàn	Chai (500ml)	2	60.000	Không
2	Vim tẩy bồn cầu	Chai (500ml)	2	60.000	Không
HSCT-CD					
0	Không có				
CẤP CỨU					
0	Không có				
PHỤ SÀN					

TT	Hóa chất - vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Giá tiền (Ngàn đồng)	Hóa đơn
0	Không có				
			YCHT-PHCN		
0	Không có				
			NỘI TỔNG HỢP		
0	Không có				
			KSNK		
0	Không có				
			CĐHA		
0	Không có				

